TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2024
Về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Thu Tr; địa chỉ: phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Việt S; nơi cư trú cuối cùng: phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Thu Tr trình bày:

Bà Phan Thị Thu Tr kết hôn với ông Trần Việt S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, quận NQ, thành phố Hải Phòng theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 46, ngày 04-5-2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Tr, ông S sinh sống tạ phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Tr, ông S hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr và ông S là do bất đồng về quan điểm sống, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông S đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 12 năm 2014 đến nay không có tin tức của ông S và không ai biết ông S đang ở đâu. Bà Tr cùng gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức của ông S. Do đó, bà Tr đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Việt S mất tích. Ngày 06/3/2024, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 01/2024/QĐST-DS tuyên bố ông Trần Việt S mất tích.

Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố ông Trần Việt S mất tích đến nay, bà Tr cũng không thấy ông S trở về. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà Tr đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho bà Tr được ly hôn ông Trần Việt S.

Về con chung: Bà Phan Thị Thu Tr và ông Trần Việt S có 03 người con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Trần Bảo Ng, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009; Trần Gia H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010. Khi ly hôn, bà Tr có nguyện vọng được nuôi 03 người con chung tên là Trần Bảo L, Trần Bảo Ng và Trần Gia H cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Trang không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Việt S do đã bỏ đi và đã có Quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích. Mặc dù Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã thực hiện các quy trình tố tụng nhưng không thể triệu tập để lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thu Tr kết hôn với ông Trần Việt S

trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, quận NgQ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 04-5-2006, nên hôn nhân giữa bà Tr và ông S là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông S đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 12 năm 2014 đến nay không có tin tức của ông S và không ai biết ông S đang ở đâu. Bà Tr cùng gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức của ông S. Do đó, bà Tr đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Việt S mất tích. Ngày 06/3/2024, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 01/2024/QĐST-DS tuyên bố ông Trần Việt S mất tích và từ đó đến nay không có tin tức của ông S. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu Tr được ly hôn ông Trần Việt S. Giao các con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Trần Bảo Ng, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009; Trần Gia H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 cho bà Phan Thị Thu Tr nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Phan Thị Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Việt S có nơi cư trú cuối cùng tại phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại các điều 35,39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Việt S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Việt S.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu Tr kết hôn với ông Trần Việt S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, quận NQ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 04-5-2006 nên hôn nhân giữa bà Tr và ông S là hợp pháp.

[5] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu Tr cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Tr, ông S hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr và ông S là do bất đồng về quan điểm sống, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông S đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 12 năm 2014 đến nay không có tin tức của ông S và không ai biết ông S đang ở đâu. Bà Tr cùng gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức của ông S. Do đó, bà Tr đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Việt S mất tích. Ngày 06/3/2024, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐST-DS, tuyên bố ông Trần Việt S mất tích.

[6] Tại phiên tòa, bà Tr vẫn yêu cầu được ly hôn với ông S. Mặt khác, kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố ông Trần Việt S mất tích đến nay vẫn không có tin tức ông S trở về. Như vậy, cho đến thời điểm hiện tại xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Tr và ông S không còn, hai người không chung sống với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông S bỏ đi nhiều năm không cùng bà Tr vun vén để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày ông S bỏ đi đến nay, bà Tr đã có nhiều cố gắng trong việc nuôi dạy các con chung và tìm kiếm ông S. Vì vậy, cho dù bà Tr có muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình cũng không thể đạt được, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Phan Thị Thu Tr yêu cầu ly hôn với ông Trần Việt S là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thu Tr: Bà Phan Thị Thu Tr được ly hôn ông Trần Việt S.

[7] Về con chung: Bà Phan Thị Thu Tr và ông Trần Việt S có 03 người con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Trần Bảo Ng, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009; Trần Gia H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010. Nhận thấy, từ ngày ông S bỏ đi đến nay, bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con chung và của các đương sự, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao các con chung tên là Trần Bảo L, Trần Bảo Ng, Trần Gia H cho bà Phan Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Phan Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp

sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Phan Thị Thu Tr phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu Tr được ly hôn ông Trần Việt S.

2. Về con chung: Giao con chung tên cho Trần Bảo L, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2006; Trần Bảo Ng, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2009; Trần Gia H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 cho bà Phan Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Phan Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trần Việt S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Phan Thị Thu Tr cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Việt S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông Trần Việt S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Phan Thị Thu Tr có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Trần Việt S.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002551 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà Phan Thị Thu Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng ;
- UBND phường G (Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 04/5/2006);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Chung